

ĐỜI SỐNG KINH TẾ VÀ VĂN HÓA VẬT CHẤT CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM Ở THÁI LAN

NGUYỄN ANH CHƯƠNG*
HÀ NGUYỄN KHOA**

Trong tiến trình lịch sử dân tộc đã diễn ra nhiều đợt di cư của người Việt Nam ra bên ngoài và dần dần hình thành những cộng đồng người Việt Nam ở nhiều nước trên thế giới (1). Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn coi trọng vị trí, vai trò của người Việt ở nước ngoài. “Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam”; “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khuyến khích và tạo điều kiện để người Việt Nam định cư ở nước ngoài giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, giữ quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần xây dựng quê hương, đất nước” (2). Cộng đồng người Việt Nam ở Thái Lan được hình thành khá sớm và trải qua quá trình phát triển lâu dài với những đặc điểm nổi bật. Mặc dù chịu ảnh hưởng từ nền văn hóa, lối sống, phong tục của người dân bản địa nhưng họ đã biết cách dung hòa, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam. Kế thừa tài liệu liên quan, kết quả các đợt điền dã phục vụ nghiên cứu, bài viết sẽ tập trung làm rõ đời sống kinh tế chủ yếu và văn hóa vật chất của cộng đồng

người Việt Nam ở Thái Lan, bao gồm: văn hóa ẩm thực, trang phục, nhà ở, các công trình văn hóa; trên cơ sở đó đi đến một số kết luận nhấn mạnh về đặc điểm, vai trò, đóng góp cũng như những bản sắc văn hóa đã được tạo nên bởi người Việt Nam trong sự giao thoa với văn hóa Thái Lan. Đây chính là cơ sở quan trọng để cộng đồng người Việt Nam ở Thái Lan tiếp tục phát huy vai trò “sứ giả” văn hóa, cầu nối gắn kết quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Thái Lan trong bối cảnh hiện nay.

1. Về sự hình thành cộng đồng người Việt Nam ở Thái Lan

Quá trình di cư và hình thành nên cộng đồng người Việt Nam ở các quốc gia trên thế giới trong đó có Thái Lan được xem là một hiện tượng lịch sử tự nhiên lâu dài, bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân và thông qua các con đường khác nhau.

Về cơ bản có một số nguyên nhân chủ yếu sau đây: 1) Sự gần gũi về vị trí địa lý, những nét tương đồng về văn hóa, tôn giáo giữa hai nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại, dễ dàng hòa nhập; 2) Do đời sống sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, khổ cực nên một bộ phận người nông dân Việt Nam mong muốn tìm

*TS. Khoa Lịch sử, Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

**TS. Báo Nghệ An

kiếm một cuộc sống mới ở những miền đất hứa, trong đó có Thái Lan; 3) Chính sách cai trị hà khắc của thực dân và đế quốc đã làm cho người dân khổ cực, mong muốn thay đổi cuộc sống và Thái Lan là một trong những điểm đến; 4) Trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nhất là phong trào yêu nước của các văn thân, sĩ phu đầu thế kỷ XX, Thái Lan cũng được xem là “Địa bàn liên lạc của cách mạng Việt Nam” (3); 5) Quá trình truyền bá của tôn giáo đã kéo theo sự di cư của các tín đồ vượt ra khỏi phạm vi của một nước. Chính sách “cấm đạo” của nhà Nguyễn trong suốt một thời gian dài đã làm cho một bộ phận giáo dân tìm cách đi ra bên ngoài; 6) Chính sách của các Vương triều Thái Lan lúc bấy giờ khá cởi mở, kiểm soát không quá chặt chẽ đối với người nước ngoài cũng là nguyên nhân để người Việt Nam có thể chọn Thái Lan làm điểm dừng chân của mình.

So với một số nước khác, quá trình di cư của người Việt Nam đến Thái Lan đã diễn ra khá sớm gắn liền với những biến cố thăng trầm của lịch sử dân tộc (4). Có thể chia thành ba đợt chính như sau: Đợt thứ nhất diễn ra từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX; Đợt thứ hai diễn ra từ cuối thế kỷ XIX đến những năm 30 của thế kỷ XX; Đợt thứ ba diễn ra trong khoảng thời gian từ 1930 đến 1946. Sau năm 1975, tuy với số lượng rất ít nhưng cũng đã có một bộ phận người Việt Nam tiếp tục tìm đường đến Thái Lan sinh sống và làm việc. Cùng với quá trình đó cũng đã diễn ra một đợt hồi hương với quy mô lớn của Việt kiều (chủ yếu là Việt kiều ở vùng Đông Bắc Thái Lan) về Việt Nam tham gia phong trào cách mạng và xây dựng đất nước (5). Như vậy, cùng với 3 đợt di cư và một đợt hồi hương lớn, cộng đồng người Việt Nam ở Thái Lan cơ bản hình thành và tiếp tục được bổ sung qua các giai đoạn phát triển.

Theo thống kê sơ bộ, cộng đồng người Việt Nam ở Thái Lan hiện có hơn 11 vạn người, trong đó chủ yếu sống tập trung tại khu vực Đông Bắc Thái Lan và một phần ở miền Trung Thái Lan (6). Phần lớn Việt kiều (nhất là từ thế hệ thứ hai trở đi) đã được công nhận địa vị pháp lý, được nhập quốc tịch Thái Lan hoặc cấp thẻ ngoại kiều, tham gia các tổ chức chính trị - xã hội ở Thái Lan.

2. Hoạt động kinh tế và đời sống văn hóa vật chất

2.1. Hoạt động kinh tế

Thời kỳ đầu khi mới đến Thái Lan, do nhiều nguyên nhân khác nhau, phần lớn người Việt Nam thường gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, sinh hoạt, đi lại, giao tiếp. Họ phải nương tựa nhau, nhờ vào sự giúp đỡ, đùm bọc của người dân Thái Lan và một số bà con người Việt Nam đã có mặt sớm hơn. Trải qua quá trình sinh sống gần bó, nhiều người đã lấy chồng hoặc lấy vợ người Thái, cùng hòa nhập vào cuộc sống làm ăn kinh tế như người Thái (7). Hoạt động kinh tế chủ yếu là làm nông nghiệp, đánh bắt cá, kinh doanh, buôn bán nhỏ,... Từ những thời kỳ khó khăn này, họ đã biết đoàn kết, chịu khó học hỏi làm ăn, vươn lên, biết cách tiết kiệm để có cuộc sống kinh tế ngày một khá giả.

Cùng với nền kinh tế - xã hội Thái Lan ngày càng phát triển, đời sống và hoạt động kinh tế của cộng đồng người Việt Nam từng bước được nâng lên. Kinh doanh buôn bán hàng hóa, ăn uống, dịch vụ, du lịch, khu vui chơi giải trí,... dần dần trở thành những ngành nghề phổ biến của người Việt. Tại một số khu chợ trung tâm của các tỉnh Nakhon Phanom, Sakol Nakhon, Udon Thani, Ubon Ratchanthani, Khon Kaen,... có đến 80% người Việt Nam kinh doanh bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau: nhà hàng ăn uống, cửa hàng quần áo, đồ gia dụng,

một số dịch vụ khác. Riêng mỗi tỉnh ở Đông Bắc Thái Lan đã có đến hàng chục cửa hàng chuyên bán phở, bánh cuốn, bánh chưng, ram cuốn,... Các cửa hàng này không chỉ phục vụ khách hàng người Việt Nam mà còn có cả người Thái, người Hoa và khách tham quan du lịch. Một trong những lĩnh vực kinh doanh có tiếng đó là sản xuất, cung cấp thực phẩm, trong đó chủ yếu là nghề làm giò, chả. Gần như các tỉnh có người Việt Nam sinh sống đều có các cửa hàng chuyên sản xuất giò, chả để cung cấp cho các địa phương của Thái Lan. Trong quá trình mở rộng kinh doanh, nhiều cơ sở còn phải thuê nhân công lao động từ Việt Nam sang, trong đó phần lớn đến từ các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

Những năm gần đây, hoạt động kinh tế của người Việt Nam ở Thái Lan vẫn không ngừng phát triển. Hiện có đến 80% các hoạt động kinh doanh, buôn bán tại Đông Bắc Thái Lan chủ yếu do Việt kiều nắm giữ. Báo chí Thái Lan vẫn thường gọi đó là “Nhóm thống lĩnh” kinh tế vùng Đông Bắc (8). Trên các tuyến phố chính của Thái Lan xuất hiện ngày càng nhiều những tấm biển quảng cáo kinh doanh hàng hóa của người Việt Nam bằng cả tiếng Việt và tiếng Thái. Ngành nghề kinh doanh hết sức đa dạng, từ quán ăn, hiệu sửa chữa ô tô, xe máy, đến quầy bán quần áo, vải vóc, hoa quả, tạp hóa. Tại tỉnh Nakhon Phanom gần như các nhà hàng ăn uống đều do người Việt Nam trực tiếp quản lý. Nghề chế biến thực phẩm tươi sống, làm giò, chả giúp Việt kiều Thái Lan thu được lợi nhuận kinh tế ổn định. Ông Đào Trọng Lý (chủ cơ sở sản xuất giò, chả ở Nakhon Phanom) cho biết, cửa hàng của ông thường xuyên cung cấp mặt hàng này cho nhiều vùng của Thái Lan với số lượng lớn. Người Việt Nam còn chế biến các loại thịt thành xúc xích sấy khô, sau đó xuất khẩu sang một số nước như Trung Quốc, Hàn Quốc.

Các thế hệ con cháu người Việt Nam ở Thái Lan cũng đã kế thừa và phát huy hiệu quả một số ngành nghề truyền thống mà cha ông truyền lại, chẳng hạn như nghề làm nón của bà con quê gốc ở Nam Định, nghề làm giò chả của bà con quê gốc ở Hải Dương, nghề làm đồ mỹ nghệ của bà con quê gốc ở Bắc Ninh,... Một số gia đình có truyền thống làm ăn phát đạt như anh Phát, ông Chúc, bà Cấn, ông Bé (ở Ubon Ratchathani), anh Tấn, anh Thái (ở Udon Thani), anh Đào Trọng Lý, Đậu Văn Khánh, Vũ Đình Yến, chị Nhung, anh Xổm (ở Nakhon Phanom), anh Hiển, anh Cao Văn San (ở Sacol Nakhon),... Chỉ riêng ở tỉnh Sacol Nakhon đã có hơn 90 hộ kinh doanh, buôn bán với đủ các lĩnh vực như cửa hàng vàng bạc, ăn uống, vật liệu xây dựng, may quần áo, máy vi tính, thiết bị điện, đồng hồ, chụp ảnh (9). Nhiều gia đình đã đầu tư phát triển và trở thành những doanh nghiệp, chủ cửa hàng, khách sạn, công ty, trường học tư nhân đạt doanh số cao. Chính quyền các địa phương cũng đánh giá cao khả năng kinh doanh và tiềm lực kinh tế của người Việt Nam bên cạnh hoạt động kinh tế của người Hoa ở Thái Lan. Điển hình trong số đó có thể kể đến như: Đại lý ô tô, xe máy của anh Vi; Xí nghiệp sản xuất nước đá của anh Lý (ở Khon Kaen); xưởng chế biến giò, chả của anh Hùng (ở Udon Thani); Hệ thống cửa hàng vàng bạc, xăng dầu của anh Thìn (ở Mukdahan) (10).

Tại Thủ đô Băng Cốc, tỉnh Chanthaburi, người Việt Nam chủ yếu sản xuất, phân phối hàng hóa phục vụ tiêu dùng hàng ngày như: hạt tiêu, gạo, thảo quả, bạch đậu khấu, đường kính, nhựa làm sơn, dưa hấu, chiếu các loại, bao bì, vải, vải gói trầu, khăn tắm, trầm hương, cọc trầu, củi, sập ong, tôm khô, tép biển, hải sâm, đuốc nhựa, thuốc lá, đồ, mây, gỗ các loại,... (11). Nghề làm chiếu của người Việt Nam được nhiều

khách hàng biết đến và ưa chuộng sử dụng nhờ kỹ thuật khéo léo, mẫu mã hình thức đẹp, chất liệu bền, tiện dụng. Chiếu được chia thành bốn loại chủ yếu gồm chiếu lác, chiếu cói, chiếu sậy, chiếu cói tía, có tên gọi chung là “Chiếu Chanthaburi”. Nó không chỉ bán cho người dân mà còn được xuất khẩu sang một số nước Đông Nam Á như Lào, Campuchia, Myanmar, Singapore. Một số sản phẩm thủ công mỹ nghệ được làm từ chất liệu cói cũng được khách hàng tin dùng như túi xách, giỏ đựng đồ dùng,... (12). Người Việt Nam còn làm chủ nhiều khu vực chợ nông sản, hoa quả nhiệt đới và thường xuyên có mối quan hệ trao đổi hàng hóa với những người trong nước. Họ xuất về Việt Nam một số loại hoa quả như xoài, sầu riêng, măng cụt, đồng thời nhập từ Việt Nam các loại như chôm chôm, thanh long, bưởi, cam.

Người Việt Nam còn đầu tư kinh doanh lĩnh vực vàng bạc, đá quý. Một số tiệm vàng bạc lớn hiện nay ở tỉnh Nakhon Phanom, Mukdahan,... đều do người Việt Nam làm chủ. Ở tỉnh Chanthaburi, nghề chế tác đá quý cũng đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho nhiều người và mang lại thu nhập cao. Trình độ kỹ thuật chế tác đá quý của người Việt Nam được đánh giá đạt đến độ tinh xảo, trở thành thương hiệu đặc trưng tại khu vực này (13). Bên cạnh đó, một số ngành nghề khác cũng khá phổ biến như nhận thầu công trình, kinh doanh vật liệu xây dựng, buôn bán xe máy, may mặc, thời trang,... Nhiều người đã mua lại đất đai có vị trí thuận lợi gần với trục đường giao thông, trung tâm thương mại để xây dựng cửa hiệu phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh. Một số doanh nghiệp Việt kiều Thái Lan còn mở rộng đầu tư, hợp tác làm ăn với các đối tác của nước Lào, chủ yếu tại địa bàn Trung và Hạ Lào. Với chủ trương, chính sách của

Đảng và Nhà nước Việt Nam khuyến khích, tạo điều kiện cho Việt kiều cùng tham gia xây dựng đất nước, một số doanh nghiệp đã về nước khảo sát thị trường, hợp tác sản xuất, kinh doanh và bước đầu thu được kết quả nhất định.

Những gia đình không tham gia kinh doanh thì duy trì sản xuất nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi. Việc áp dụng kinh nghiệm làm lúa nước của Việt Nam kết hợp phương thức canh tác truyền thống của người Thái bản địa, cộng với đức tính cần cù, chịu khó đã giúp cho cộng đồng người Việt Nam nâng cao năng suất trong sản xuất, tạo ra những sản phẩm nông nghiệp có giá trị. Tuy đời sống kinh tế của một bộ phận làm nông nghiệp có phần vất vả so với ngành nghề khác nhưng quan trọng là họ tự đảm bảo được cuộc sống của gia đình và cung cấp cho xã hội một phần. Ngoài ra, nhiều gia đình đã rất quan tâm đầu tư, tạo điều kiện cho con cháu nỗ lực học tập nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn để lập nghiệp. Nhiều Việt kiều thuộc thế hệ trẻ sau này đã thi đỗ vào các trường tại Thái Lan, tốt nghiệp có bằng đại học, thạc sĩ và làm việc trong hệ thống cơ quan hành chính, trường học, tổ chức chính trị - xã hội của Thái Lan. Một số người học hành thành đạt có thu nhập cao, có địa vị nhất định trong xã hội như giảng viên đại học, giáo viên, nhân viên ngân hàng, kỹ sư, bác sĩ, luật sư, nhà báo (14).

2.2. Đời sống văn hóa vật chất

Về văn hóa ẩm thực

Sự xuất hiện những món ăn do người Việt Nam chế biến mang đặc trưng riêng bên cạnh món ăn của Thái Lan đã làm cho sự kết hợp, giao thoa văn hóa ẩm thực của hai nước càng trở nên thú vị. Nhiều người Thái Lan rất ưa thích các món ăn trong các nhà hàng của người Việt Nam. Có những món ăn mà hầu như người Thái đều biết

khi được hỏi, chẳng hạn như món “nem lụi” (“nằm nướng”). Món ăn này dường như đã chiếm một vị trí không thể thiếu trong văn hoá ẩm thực của người Thái trên cả nước (15). Ở Thái Lan, một điểm khá nổi bật về văn hóa ẩm thực là đa số những vùng có người Việt kiều sinh sống tập trung đều hình thành nên các khu chợ của người Việt Nam. Hàng hóa được trưng bày trong các khu chợ khá phong phú và mang đặc trưng của Việt Nam. Có thể kể đến một số món ăn tương đối thuần Việt và hiện đang rất phổ biến ở vùng Đông Bắc và một số khu vực khác của Thái Lan như: giò, nem lụi, nem cuốn, nem rán, chả tôm, ruốc, bánh chưng, phở, bánh cuốn, bánh xèo... Tại tỉnh Nakhon Phanom, nhắc đến ẩm thực Việt Nam, người Việt Nam cũng như người Thái hầu như đều biết đến hệ thống nhà hàng nổi tiếng của gia đình ông Vũ Đình Yến, gia đình ông Đào Trọng Lý,... Những nhà hàng chuyên phục vụ các món ăn Việt Nam, trong đó có cả những món ăn kết hợp giữa khẩu vị Việt Nam và Thái Lan. Nó không chỉ phục vụ tại chỗ cho thực khách hàng ngày mà còn được đóng gói gửi đi Băng Cốc và các tỉnh khác của Thái Lan theo đơn đặt hàng, chủ yếu là nem lụi, nem cuốn, chả tôm và một số món ăn khác (16).

Trong bữa ăn hàng ngày của gia đình người Việt Nam, người có tuổi thường sử dụng bát và đũa để ăn cơm, còn bộ phận giới trẻ lại quen sử dụng đĩa, thìa và đũa giống như người Thái thường dùng. Thông thường, các món ăn trong gia đình được chế biến kết hợp đầy đủ gia vị, hấp dẫn về màu sắc, hương vị và đảm bảo về dinh dưỡng. Gia vị chủ yếu thường dùng cho các món ăn truyền thống gồm có: hành, ớt, tỏi, sả, ruốc, nước mắm,... Cùng với đó, sự pha trộn hài hoà về gia vị trong cách nấu của người Việt Nam kết hợp với cách nấu của người Thái cũng đã tạo nên những món ăn hết sức đa

dạng và phong phú. Trong những ngày giỗ chạp, họp mặt gia đình, người Việt Nam vẫn thường chuẩn bị chu đáo mâm cơm đặt bàn thờ với những món ăn truyền thống như xôi đậu, xôi lạc, gà luộc, thịt lợn luộc, nem,... Mỗi dịp đón Tết Nguyên đán, hầu như các gia đình đều chuẩn bị bánh chưng, bánh tét, giò các loại để thờ cúng tổ tiên và những người đã khuất. Cứ mỗi dịp Tết đến, cộng đồng người Việt Nam thường tổ chức làm một chiếc bánh chưng và một chiếc giò cỡ lớn, trang trí cẩn thận để trưng bày tại trụ sở Hội hữu nghị Thái - Việt. Sau khi kết thúc phần nghi lễ, mọi người cắt bánh chưng và giò mời tất cả những người có mặt tham dự cùng thưởng thức món ăn truyền thống Việt Nam. Mỗi khi được thông báo có các đoàn công tác, đoàn khách của các cơ quan, tổ chức từ Việt Nam sang thăm, bà con Việt kiều lên kế hoạch đón tiếp, chuẩn bị các món ăn của Việt Nam để tổ chức liên hoan, giao lưu văn hóa, văn nghệ ngay tại trụ sở Hội hữu nghị Thái - Việt.

Có thể thấy, ngoài mục đích để chiêm ngưỡng và thưởng thức, Việt kiều Thái Lan làm những chiếc bánh giò, bánh chưng lớn còn có mục đích là duy trì văn hoá ẩm thực Việt Nam và quảng bá giới thiệu những giá trị văn hóa truyền thống đó với các bạn người Thái. Qua những hoạt động nêu trên, thế hệ Việt kiều cha anh cũng muốn nhắn nhủ với con cháu luôn biết trân trọng và giữ gìn văn hóa ẩm, phong tục Việt Nam.

Về trang phục

Trang phục và cách ăn mặc của người Việt ở Thái Lan có sự kết hợp giữa trang phục của người Thái Lan và trang phục truyền thống của Việt Nam. Trải qua quá trình sinh sống lâu dài trên đất nước bạn, người Việt Nam đã từng bước tiếp nhận và có thói quen mặc trang phục theo kiểu của người Thái. Về cơ bản được chia thành hai dạng: trang phục truyền thống và trang

phục hiện đại. Trang phục truyền thống của Thái Lan (“chut thai”) (17) phần lớn được may từ các mảnh vải lụa, vải bông hẹp được nối, gấp, cuộn thành các loại quần, áo với kiểu cách khác nhau. Loại trang phục này chủ yếu được một số người Việt Nam sử dụng trong dịp lễ hội hoặc khi tham gia sự kiện giao lưu văn hóa. Phụ nữ mặc “chut thai” thường bao gồm một “pha nung” (18) hoặc “chong kraben” (19), áo cánh và “sabai” (20). Riêng phụ nữ ở vùng Đông Bắc Thái Lan thì thường mặc áo “sinh” (21) thay cho “pha nung” và mặc quần dài với áo cánh hoặc áo dài. Trong cuộc sống thường ngày, cũng giống như người Thái, người Việt Nam chủ yếu mặc trang phục phổ biến theo xu hướng hiện đại. Quần áo thường dùng có thể đặt may hoặc mua sẵn ở các cửa hàng gồm có: áo sơ mi, áo phông, quần vải, quần bò, com-lê,... Trang phục dành cho phụ nữ còn có các loại váy, áo sơ mi chiết li (cổ áo hình quả tim, cổ thìa, cổ vuông), vai áo cũng được biến thể nhiều loại (vai bông, vai liền, vai chéo). Ngoài ra, một số kiểu áo khác cũng được phụ nữ mặc như áo mở tà hay áo cánh bướm, cánh dơi. Những trang phục theo kiểu hiện đại vừa đa dạng về mẫu mã hình thức vừa tiện lợi cho việc đi lại, lao động, sinh hoạt hàng ngày, tham gia các hoạt động cộng đồng.

Khi đề cập đến trang phục của cộng đồng người Việt Nam ở Thái Lan thì không thể không nói đến áo dài truyền thống. Thông thường, phụ nữ người Việt Nam ở Thái Lan đều sắm cho mình bộ áo dài bên cạnh trang phục thường dùng khác. Áo dài thường được đặt may, mua sẵn ở tiệm quần áo của người Việt Nam tại Thái Lan hoặc mang từ Việt Nam sang. Chất liệu vải, kiểu dáng, màu sắc, hoa văn của áo dài gần như không thay đổi nhiều. Trang phục áo dài được phụ nữ người Việt Nam trưng diện

trong các dịp kỷ niệm sự kiện quan trọng như: Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30-4), Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5), Ngày Quốc khánh (2-9). Ngoài ra, trang phục áo dài cũng được sử dụng phổ biến trong các dịp Tết Nguyên đán, đón tiếp đoàn khách từ Việt Nam sang thăm, đám cưới, giao lưu văn hóa - văn nghệ... Trang phục áo dài không chỉ tôn thêm vẻ đẹp về hình thức, đức tính chịu thương chịu khó, trung hậu, đảm đang của người phụ nữ, giúp họ phần chấn, tự tin hơn trong hoàn cảnh sống xa quê hương, mà còn thể hiện nét đặc trưng văn hóa dân tộc, là niềm tự hào chung của bà con Việt kiều Thái Lan (22). Thông qua đó góp phần lan tỏa những giá trị văn hóa truyền thống, giúp người dân Thái Lan hiểu hơn về đất nước và con người Việt Nam. Sức hấp dẫn của những tà áo dài qua cách ăn mặc của phụ nữ người Việt Nam đã thực sự lôi cuốn, lan tỏa sâu sắc trong nền văn hóa của nước bạn. Có không ít phụ nữ Thái Lan yêu thích và từng mua những bộ áo dài Việt Nam để làm kỷ niệm, làm quà tặng, hoặc trưng bày thời trang. Ngoài trang phục áo dài thường dùng, tại một số lễ hội lớn hoặc sự kiện giao lưu văn hóa quan trọng của hai nước còn xuất hiện những bộ trang phục áo the khăn xếp truyền thống của Việt Nam.

Hiện nay, bên cạnh những trang phục truyền thống, nhiều gia đình người Việt Nam ở Thái Lan có những bộ trang phục được bố trí màu sắc và họa tiết thể hiện tinh thần dân tộc như áo có in hình Cờ Tổ quốc, Bác Hồ, Thủ đô Hà Nội, Cố đô Huế, quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh... Những bộ trang phục này cũng thường được sử dụng trong các dịp lễ hội, đi tham quan, biểu diễn văn nghệ, các hoạt động văn hóa cộng đồng với niềm tự hào sâu sắc về quê hương đất nước (23).

Về nhà ở

Trong thời kỳ đầu, phần lớn các công trình nhà ở của người Việt Nam thường theo kiến trúc kiểu nhà sàn của người Thái. Phần trên của ngôi nhà sàn dành để gia đình sinh hoạt, phần dưới dùng để giữ vật nuôi, các loại dụng cụ lao động. Nhà thường được bố trí theo hướng Nam nhằm hạn chế ánh nắng chiếu thẳng vào bên trong, tạo không khí mát mẻ, hòa thuận. Những gia đình có đời sống kinh tế khó khăn thì thường làm theo kiểu nhà tranh vách đất. Một số người có điều kiện khá giả hơn thì làm nhà thưng ván gỗ chứ chưa có những ngôi nhà khang trang như sau này. Tại Bản Mạy, ở huyện Mường (làng Nachok, huyện Mueang), tỉnh Nakhon Phanom có khoảng 128 ngôi nhà của người Việt Nam. Hầu hết được xây dựng, bố trí theo kiểu kết hợp nhà lớn, nhà ngang, nhà bếp và cùng với đó là hệ thống sân, vườn xung quanh. Trước mỗi ngôi nhà thường có hai hàng cây cau cao vút, dừa, hoa râm bụt làm bờ rào, có cả rặng mùng tơi, dền bầu, mướp,... Đây là kiểu kiến trúc khá quen thuộc, giống như những ngôi nhà của người dân ở vùng Trung Bộ Việt Nam.

Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội, đời sống không ngừng được nâng lên, kiến trúc nhà ở của người Việt Nam đã thay đổi theo hướng hiện đại, khai thác tối đa công năng sử dụng. Phần lớn các ngôi nhà được thi công bằng bê tông, cốt thép, có cả nhà 2-3 tầng, nhà cấp 4. Bên ngoài các ngôi nhà thường có những nét giống nhau với cách bố trí mặt tiền đơn giản, tiện ích. Những ngôi nhà nằm ở vị trí mặt đường thường theo dạng nhà ống, kết hợp giữa sinh hoạt của gia đình và phục vụ kinh doanh, buôn bán. Một số gia đình có kinh tế khá giả thì làm nhà gỗ được trang trí cầu kỳ, chạm khắc tỉ mỉ mang đậm những nét hoa văn của Việt Nam; có những người đầu

tư xây dựng khu biệt thự riêng mang phong cách giao thoa giữa kiến trúc Việt Nam, Thái Lan và có cả ảnh hưởng kiến trúc phương Tây.

Điểm nổi bật trong các ngôi nhà của người Việt Nam đó là vẫn duy trì được nét đẹp văn hóa truyền thống của Việt Nam về thờ cúng tổ tiên. Họ luôn tâm niệm đã là người Việt Nam thì dù ở đâu, làm việc gì cũng phải luôn nhớ đến gốc rễ, cội nguồn tổ tông của mình (24). Vì vậy, đa số người Việt ở Thái Lan khi làm nhà thường rất coi trọng và tính toán cẩn thận để bố trí bàn thờ trong nhà từ việc cân nhắc lựa chọn vị trí, hướng đặt bàn thờ phù hợp với gia chủ đến cách thức bài trí đồ vật đảm bảo trang trọng, tôn nghiêm. Họ coi bàn thờ tổ tiên là vị trí linh thiêng nhất trong một ngôi nhà, là nơi để thể hiện lòng thành kính, nhớ về cội nguồn quê hương, đất nước, tỏ lòng biết ơn tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã sinh thành và gây dựng nên cuộc sống cho con cháu; đồng thời qua đó cũng cầu mong luôn được tổ tiên phù hộ, che chở cho cuộc sống gia đình được bình an. Ngoài ra, phần lớn các ngôi nhà bên cạnh bố trí các vật dụng phục vụ sinh hoạt hàng ngày, còn được trang trí đảm bảo thẩm mỹ vừa mang phong cách của người Việt. Trong các ngôi nhà thường treo nhiều tranh, ảnh về các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh của Việt Nam được nhiều người biết đến như Chùa Một Cột, Hồ Gươm, Cố đô Huế, Sài Gòn, quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những hình ảnh thiếu nữ mặc áo dài đội nón lá, các món ăn truyền thống, đồ lưu niệm từ mang Việt Nam sang cũng được bài trí trong các ngôi nhà của cộng đồng người Việt.

Về công trình văn hóa

Mặc dù cộng đồng người Việt Nam ở Thái Lan có sự ảnh hưởng, giao thoa và đã tiếp thu nền văn hóa của người Thái nhưng vẫn bảo lưu được đời sống văn hóa vật chất

truyền thống của mình. Điều này được thể hiện khá rõ qua một số công trình văn hóa mang đặc trưng Việt Nam trên đất nước Thái Lan, nơi được mệnh danh là “Xứ sở chùa vàng”.

Một trong số các công trình văn hóa của người Việt Nam ra đời khá sớm đó là Đền thờ Trần Hưng Đạo ở Bản Mạy. Công trình này bắt đầu xây dựng vào năm 1898 theo lối kiến trúc đền chùa của miền Bắc Việt Nam. Vật liệu chủ yếu là gạch, ngói, gỗ được chạm trổ, điêu khắc tỉ mỉ, có các mái cong theo thế “rồng chầu hổ phục”. Đền được bố trí gồm có: Phía bên trong là điện thờ với bệ cao, bàn thờ rộng dùng làm nơi tổ chức lễ; Phía bên trái là bốn gian nhà bếp. Điện thờ, nhà tiếp khách và nhà bếp đều được xây bằng gạch, lợp ngói; Phía trước là cổng đền rộng 6m. Trên cổng và trước đền đều đắp ông cầu mặt nguyệt mái uốn cong mềm mại. Hai bên cổng là cánh gà cao khoảng 3m, dài 4m, nối liền hai cánh gà là tường xây với màu sơn nhẹ nhàng. Ngôi đền quay mặt về phía Đông bờ Nam, nhìn ra hồ Noong nit rộng lớn. Tất cả đều toát lên một kiểu cách văn hoá đặc trưng (25). Đền là nơi để tổ chức lễ nghi và cũng là điểm hội họp, gặp mặt, giao lưu văn hóa của bà con Việt kiều. Nơi đây đã được các nhà lãnh đạo cấp cao của Việt Nam, Thái Lan đến thăm và là địa điểm thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước Thái Lan. Tháng 5-2000, cố Thủ tướng Phan Văn Khải và đoàn công tác của Việt Nam đã đến thăm, trồng cây đa lưu niệm, thực hiện nghi lễ đặt bức chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh trong điện thờ cùng với bức tượng Đức thánh Trần Hưng Đạo do một số Việt kiều hồi hương quyên tặng. Sau nhiều lần tu bổ nâng cấp, ngôi đền hiện vẫn giữ được vẻ đồ sộ, uy nghi theo phong cách kiến trúc Việt Nam, trở thành khu văn hóa tâm linh của người Việt

Nam ở Thái Lan cũng như du khách trong nước khi đến Thái Lan.

Công trình văn hóa mang đậm nét kiến trúc Việt Nam là Tháp đồng hồ Việt kiều lưu niệm nằm bên bờ sông Mê Kông (tỉnh Nakhon Phanom). Công trình này được bà con Việt kiều hồi hương xây dựng vào năm 1960 để tỏ lòng ghi nhớ công ơn cứu mạng, giúp đỡ của nhân dân Thái Lan đối với người Việt Nam trong những lúc khó khăn, hoạn nạn. Kiểu dáng được mô phỏng theo tháp đồng hồ ở Thành phố Hồ Chí Minh, một mặt đồng hồ hướng về phía đất nước Việt Nam, một mặt hướng về phía Thái Lan. Tháp chuông được xây 3 tầng, có chiều cao hơn 10m, hình vuông với bốn cột thu nhỏ dần về phía trên. Nền phía dưới rộng khoảng 2m, kéo lên đỉnh tháp còn lại khoảng 1m, phía trên tháp treo một chiếc chuông đồng. Phần trên cùng của tháp có 4 mái cong, mái dưới to, mái trên nhỏ, gần giống với mái chùa ở Việt Nam. Đỉnh mái hình nhọn hướng lên trời, bốn mặt xung quanh tháp đều có dòng chữ: “Việt kiều lưu niệm 1960”. Tháp đồng hồ Việt kiều lưu niệm trở thành điểm tham quan du lịch, là nơi gặp gỡ giao lưu của người Việt Nam trong mỗi dịp lễ, tết, nhất là Việt kiều sinh sống ở vùng Đông Bắc Thái Lan. Công trình văn hóa này được xem là biểu tượng vững chắc của tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Thái Lan.

Dấu tích lịch sử, văn hóa gắn với thời kỳ hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đất Thái Lan đó là Bản Mạy. Nơi đây vẫn còn lưu giữ được gần như nguyên vẹn không gian của một làng thuần người Thái gốc Việt được hình thành cách đây hơn một thế kỷ (26). Bản Mạy chính là nơi Nguyễn Ái Quốc (mang bí danh “Thầu Chín”) từng sống để tổ chức và vận động phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trong những năm 1928 - 1929. Tại đây,

Người đã khuyên hội viên của “Hội hợp tác” dựng một ngôi “Nhà hợp tác” khang trang để làm nơi hội họp, hoạt động tập trung. Trong ngày khánh thành ngôi nhà, Người đã cùng với bà con Việt kiều trồng một dãy cây dừa dọc theo bờ rào tiếp giáp với đường làng, hai hàng cây râm mát từ cổng vào sân nhà và cây khế ngọt đầu hồi nhà. Bản thân Người ngoài thời gian đi vận động tổ chức phong trào yêu nước đã cùng với bà con Việt kiều ở Bản Mạ dựng nhà, trồng lúa, đắp đường, dạy tiếng Việt, học tiếng Thái và nhiều hoạt động khác. Người đã khéo léo vận động giác ngộ, tổ chức, giáo dục kiều bào đoàn kết thương yêu lẫn nhau, tự hào về truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của cha ông, luôn luôn hướng về Tổ quốc, đồng thời tôn trọng phong tục, tập quán và đoàn kết với chính quyền, nhân dân Thái Lan (27).

Tháng 9-2001, chính quyền tỉnh Nakhon Phanom và người dân ở Bản Mạ đã chung góp tiền của, công sức để dựng lại (trên nền đất cũ của “Nhà hợp tác” trước đây) một ngôi nhà chính 3 gian, nhà bếp và kho thóc; tổ chức sưu tầm, trưng bày những kỉ vật, tranh ảnh, sách báo liên quan đến quá trình hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà yêu nước Việt Nam. Từ những năm 1998 - 1999, tỉnh Nakhon Phanom đã quyết định chuyển trụ sở chính quyền huyện Mường về tại Bản Mạ với mong muốn xây dựng khu di tích lịch sử, văn hóa này trở thành biểu tượng tình hữu nghị Thái Lan - Việt Nam, là điểm tham quan của du khách. Theo đó, một số cơ sở hạ tầng cũng được quy hoạch như hệ thống giao thông, trường học, nhà văn hóa, sân vận động,... Tháng 3-2003, tại Kỳ họp lần thứ VII của Ủy ban liên Chính phủ về hợp tác giữa Việt Nam và Thái Lan đã thống nhất triển khai dự án Làng hữu nghị Thái - Việt nhằm bảo tồn và phát huy

giá trị lịch sử cụm di tích Bản Mạ, Đền thờ Đức thánh Trần, Nhà hợp tác. Đồng thời triển khai xây dựng một số công trình như Trung tâm thông tin bao gồm hội trường, phòng trưng bày giới thiệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, đất nước và con người Việt Nam, về quan hệ hợp tác Thái Lan - Việt Nam. Tháng 2-2004, lãnh đạo cấp cao của Chính phủ Việt Nam và Thái Lan cùng chủ trì khánh thành công trình Làng hữu nghị Thái - Việt và khu di tích lịch sử mà Bác Hồ đã từng sống và hoạt động cách mạng trên đất nước bạn (28). Tháng 6-2013, nhân chuyến thăm Thái Lan của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, hai bên đã thống nhất hỗ trợ Hội hữu nghị Thái - Việt tỉnh Nakhon Phanom xây dựng Khu tưởng niệm gồm một nhà thờ tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh theo kiến trúc Việt Nam, có núi nhân tạo, hồ nước thả cá, trồng sen,... Ngày 19-5-2016, Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được khánh thành. Khu tưởng niệm được nối với Làng hữu nghị Thái - Việt bằng một con đường thuận tiện, tạo thành một quần thể du lịch văn hóa, lịch sử (29).

Bên cạnh đó, ở Thái Lan còn có một số công trình mang đậm dấu ấn văn hóa của người Việt Nam. Nổi bật như Nhà thờ Thiên chúa giáo ở huyện Mường, tỉnh Nakhon Phanom, Thánh đường Sam Sen ở Thủ đô Băng Cốc, Nhà thờ ở tỉnh Chanthaburi, nhiều ngôi chùa Việt trên đất nước Thái Lan... Những công trình này đều thể hiện rõ nét dấu ấn kiến trúc và văn hóa của Việt Nam, chẳng hạn như các ngôi chùa đều có mái cong, có thể “rồng châu hổ phục” hay bức bình phong chắn phía trước cửa chùa. Thậm chí có một số cổng chùa còn khắc hàng câu đối bằng tiếng Việt như để chuyển tải thông điệp về sự có mặt của người Việt Nam cũng như dấu ấn văn hóa Việt Nam trên đất nước Thái Lan.

3. Kết luận

Từ việc tìm hiểu về hoạt động kinh tế và đời sống văn hóa vật chất của cộng đồng người Việt Nam ở Thái Lan, bước đầu chúng tôi có một số kết luận sau:

Thứ nhất, quá trình hình thành cộng đồng người Việt ở Thái Lan đã diễn ra từ rất sớm trong lịch sử bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân và thông qua các đợt di cư khác nhau. Nếu so với Việt kiều ở một số nước khác thì Việt kiều Thái Lan lại khá tập trung, phần lớn sống chủ yếu ở vùng Đông Bắc và một phần thuộc miền Trung của Thái Lan. Chính điều này đã giúp họ luôn gắn kết, yêu thương, chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau ngay từ những tháng ngày đầu khó khăn khi mới đặt chân đến nước bạn cũng như quá trình phát triển về sau này.

Thứ hai, mặc dù sống xa Tổ quốc trong thời gian dài, trải qua không ít biến cố khó khăn, vất vả nhưng kiều bào Việt Nam ở Thái Lan đã cùng nhau cố gắng tuân thủ quy định, hòa nhập cuộc sống, nền văn hóa của người dân bản địa. Cùng với đó, họ vẫn luôn đau đáu hướng về quê hương, đất nước, về cội nguồn dân tộc Việt Nam. Từ sâu thẳm trong tiềm thức, tình cảm, niềm tự hào dân tộc, Việt kiều Thái Lan đã biết cách trân trọng, gìn giữ và phát huy đức tính cần cù, chịu khó lao động, làm việc, không ngừng học hỏi để có cuộc sống kinh tế gia đình ổn định, đóng góp tích cực cho nước sở tại. Họ luôn có ý thức gìn giữ, vun đắp và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của người Việt Nam. Xét về khía cạnh đời sống văn hóa vật chất, có lẽ có không nhiều những cộng đồng người Việt

bảo lưu được những đặc trưng, dấu ấn văn hóa đậm nét của Việt Nam như cộng đồng người Việt Nam ở Thái Lan. Điều này được thể hiện khá rõ trong ẩm thực, trang phục, nhà ở và một số công trình văn hóa hiện có của Việt kiều trên đất nước Thái Lan.

Thứ ba, sự thích ứng hòa nhập trong môi trường giao thoa, tiếp biến văn hóa của người dân bản địa bên cạnh biết cách phát huy những giá trị văn hóa truyền thống đã giúp cho người Việt Nam ở Thái Lan mang đặc trưng riêng so với người Việt Nam ở một số nước khác. Nhờ vậy, họ đóng một vai trò quan trọng trong việc thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về đối ngoại nhân dân; đồng thời trở thành những “sứ giả” ngoại giao văn hóa, cầu nối gắn kết quan hệ hữu nghị Việt Nam - Thái Lan.

Thứ tư, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, để tiếp tục “xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân” (30), chúng ta cần quan tâm và làm tốt hơn nữa công tác bảo hộ công dân, tranh thủ tối đa nguồn lực người Việt Nam ở nước ngoài. Đối với cộng đồng người Việt Nam ở Thái Lan, cần có những chính sách hỗ trợ, khuyến khích nhằm khai thác và phát huy vai trò của họ trong việc đóng góp phục vụ phát triển đất nước; thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Thái Lan ngày càng phát triển toàn diện về chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa, giáo dục và giao lưu nhân dân (31).

CHÚ THÍCH

(1). Có nhiều cách gọi khác nhau để chỉ người Việt Nam ở nước ngoài. Hiến pháp năm 2013 dùng cụm từ: “Người Việt Nam định cư ở nước ngoài”; Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26-3-2004 của Bộ

Chính trị, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (1-2021) gọi là: “Người Việt Nam ở nước ngoài”. Ngoài ra, một số cụm từ như “Việt kiều”, “Kiều bào ta”,... vẫn thường được sử dụng.

Trong bài viết này, chúng tôi thống nhất sử dụng các cụm từ: “Cộng đồng người Việt ở Thái Lan”, “Người Việt ở Thái Lan” và “Việt kiều Thái Lan”.

(2). Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-quy-pham-phap-luat/hien-phap-nam-2013-241>.

(3). Nguyễn Anh Chương, “Hợp tác trong lĩnh vực văn hóa giữa Việt Nam và Thái Lan từ sau năm 1991”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 8 (2013), tr. 32.

(4). Việc xác định thời điểm người Việt Nam bắt đầu có mặt tại Thái Lan vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Theo một số nhà nghiên cứu của Trường Đại học Chulalongkorn (Thái Lan) thì người Việt Nam xuất hiện ở Ayuthay từ thế kỷ XVII, đến năm 1662 đã có khoảng 100 gia đình người Việt Nam sinh sống ở đây, chủ yếu làm nghề buôn bán nhỏ, vận chuyển hàng hóa và phục vụ cho các nhà buôn châu Âu tại Ayuthay.

(5). Theo ước tính, trong giai đoạn 1960 - 1964 đã có khoảng 54.636 Việt kiều Thái Lan trở về Việt Nam trên tổng số khoảng 70.038 người đăng kí hồi hương.

(6). Nguyễn Anh Chương, Hà Nguyên Khoa, “Sự hình thành cộng đồng người Việt ở Thái Lan”, Tạp chí *Khoa học Đại học Vinh*, tập 44, số 1B (2015), tr.8-9.

(7). Đặng Văn Chương: *Quan hệ Thái Lan - Việt Nam cuối thế kỷ XVIII - giữa thế kỷ XIX*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2010, tr.18-26.

(8). Thông tấn xã Việt Nam, “Tình hình Việt kiều ở Thái Lan hiện nay”, tháng 10-2001.

(9), (14), (15). Nguyễn Hồng Quang, “Đời sống cộng đồng người Việt tại tỉnh Sakon Nakhon - Thái Lan”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 3 (2004), tr.60-67.

(10), (13), (16), (22), (23), (24). Tư liệu Điền dã khảo sát đợt tháng 2 năm 2013, bản ghi số 04, 05, 06, 07, 08, 09.

(11). Tư liệu Điền dã khảo sát đợt tháng 4 năm 2012, bản ghi số 15.

(12) Nguyễn Công Khanh, “Có một phong trào gia đình học hiệu trong người Thái gốc Việt ở Thái Lan”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 11 (2009), tr.29.

(17). “Chut thai”.

(18). “Pha nung” là dải vải dài được quấn quanh eo, vướn xuống dưới đầu gối, đôi khi vải được quấn qua giữa hai chân và giấu ở phía sau theo cách gọi là “chong kraben”.

(19). “Chong kraben” là một loại vải quấn quanh người thấp hơn, giống với quần hơn váy. Nó là một mảnh vải hình chữ nhật dài 3 mét và rộng 1 mét.

(20). “Sabai” là quần áo giống như khăn choàng, hoặc vải ngực, có thể được sử dụng cho phụ nữ hoặc nam giới.

(21). “Sinh” là một chiếc váy ống có thể xác định người phụ nữ mặc nó theo nhiều cách khác nhau, thường được mặc trong các sự kiện quan trọng, cũng được mặc trong cuộc sống hàng ngày.

(25). Hoàng Viết Phúc, *Sự hình thành Làng hữu nghị Thái - Việt tại Bản Mạy*, Tài liệu hồi kí, 2010.

(26), (27). Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, Di tích Bác Hồ trong Dự án Làng hữu nghị Việt - Thái ở Bản Mạy, Thái Lan, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/c-mac-angghen-lenin-ho-chi-minh/ho-chi-minh/tieu-su-cuoc-doi-va-su-nghiep/di-tich-bac-ho-trong-du-an-lang-huu-nghi-viet-thai-o-ban-may-thai-lan-3181>.

(28). Nguyễn Thị Tình, Chu Đức Tính, Nguyễn Đình Tình: *Phòng trưng bày về Chủ tịch Hồ Chí Minh và tình hữu nghị Việt Nam - Thái Lan tại Trung tâm thông tin Làng hữu nghị Thái Lan - Việt Nam tại bản Mạy tỉnh Nakhon Phanom, Thái Lan*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2004, tr.28.

(29). Minh Giang, Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại làng Nachok (Bản Mạy), tỉnh Nakhon Phanom, Thái Lan, <https://baotanghochiminh.vn/khu-tuong-niem-chu-tich-ho-chi-minh-tai-lang-nachok-ban-may-tinh-nakhon-phanom-thai-lan.htm>.

(30). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.162.

(31). Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, Đưa quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam - Thái Lan đi vào chiều sâu và thực chất, <https://dangcongsan.vn/nguoi-viet-nam-o-nuoc-ngoai/dua-quan-he-doi-tac-chien-luoc-viet-nam->

thai-lan-di-vao-chieu-sau-va-thuc-chat-
616751.html.